

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30/01/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình
2. Ông Nguyễn Văn Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 30/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 18/01/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Thân Đức H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ hiện nay: Kouposan R, D, Chuouoku, Chibashi, Chibaken, JaPan.

Người đại diện theo ủy quyền nộp đơn khởi kiện và nhận thông báo các văn bản tố tụng cho anh Thân Đức H là: Luật sư Hoàng Thị Bích L - Văn phòng luật sư Hoàng L - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 25/11/2018 và bản tự khai đề ngày 28/12/2018 (Đơn có xác nhận của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản) nguyên đơn anh Thân Đức H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 25/10/2013, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng. Khoảng tháng 4/2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng theo thời gian. Ban đầu chỉ là mâu thuẫn và xô xát nhỏ nhưng do thường xuyên xảy ra nên đã làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính cách của vợ chồng không hợp nhau và do anh kết hôn khi tuổi đời còn quá trẻ nên chưa thực sự chín chắn trong cách ứng xử. Năm 2015, anh đi du học tại trường Chibani ken ko ku zai senmong ako Nhật Bản và hiện nay vẫn đang học tập, sinh sống tại Nhật. Từ khi anh đi du học, vợ chồng sống xa nhau thì mâu thuẫn lại càng thêm sâu sắc, trầm trọng. Kể từ tháng 4/2016 và đã nhiều năm nay anh chị không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau như vợ chồng nữa. Mặc dù, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải và anh chị cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội khắc phục nhưng vẫn không thể hàn gắn để tiếp tục về chung sống với nhau được. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

-Về con chung: Anh chị không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: Do thời gian chung sống gần nhau không lâu, tuổi đời của cả hai đều còn trẻ và đang trong thời gian học tập nên quá trình chung sống anh chị gần như không phát triển được tài sản chung gì có giá trị. Vì vậy, khi ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung.

-Về khoản nợ chung: Anh chị không vay mượn và không nợ ai nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đang du học tại Nhật Bản nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị L được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị L. Anh cũng ủy quyền cho luật sư Hoàng Thị Bích L nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho anh biết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Linh trình bày: Chị và anh Thân Đức H kết hôn ngày 25/10/2013, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng. Khoảng tháng 4/2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng theo thời gian. Ban đầu chỉ là mâu thuẫn và xô xát nhỏ nhưng do thường xuyên xảy ra nên đã làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính cách của vợ chồng không hợp nhau và do chị kết hôn khi tuổi đời còn quá trẻ nên chưa thực sự chín chắn trong cách ứng xử. Năm 2015, anh H đi du học tại trường Chibani ken ko ku zai senmong ako Nhật Bản và hiện nay vẫn đang học tập, sinh sống tại Nhật. Từ khi anh H đi du học, vợ chồng sống xa nhau thì mâu thuẫn lại càng thêm sâu sắc, trầm trọng. Kể

từ tháng 4/2016 và đã nhiều năm nay vợ chồng không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải và vợ chồng cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội khắc phục nhưng vẫn không thể hàn gắn để tiếp tục về chung sống với nhau được. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn chị L, chị đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: vợ chồng không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung.

-Về khoản nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh H và chị được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh H và chị.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh H là luật sư Hoàng Thị Bích L, bị đơn chị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 bộ luật tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của anh H, Bản tự khai của chị L, bản luận cứ của luật sư Hoàng Thị Bích L, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Anh Thân Đức H và chị Nguyễn Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị L.

[2].Về thẩm quyền: Anh Thân Đức H là nguyên đơn hiện đang du học tại Nhật Bản có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị L, chị L có Hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về quan hệ Hôn nhân: Anh Thân Đức H và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 25/10/2013, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng. Khoảng tháng 4/2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng theo thời gian. Ban đầu chỉ là mâu thuẫn và xô xát nhỏ nhưng do thường xuyên xảy ra nên đã làm cho cuộc

sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính cách của vợ chồng không hợp nhau và do anh kết hôn khi tuổi đời còn quá trẻ nên chưa thực sự chín chắn trong cách ứng xử. Năm 2015, anh H đi du học tại trường Chibani ken ko ku zai senmong ako Nhật Bản và hiện nay vẫn đang học tập, sinh sống tại Nhật. Từ khi anh đi du học, vợ chồng sống xa nhau thì mâu thuẫn lại càng thêm sâu sắc, trầm trọng. Kể từ tháng 4/2016 và đã nhiều năm nay anh chị không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau nữa. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn chị L, chị L cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh H và chị L được ly hôn.

[4].Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản chung, công nợ: Anh H xác định vợ chồng không phát triển được tài sản chung gì có giá trị. Chị L xác nhận không có tài sản chung gì. Cả anh H và chị L đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về án phí: Anh Thân Đức H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh H đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thân Đức H.

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Thân Đức H được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2.Về án phí: Anh Thân Đức H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000148 ngày 14/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh H đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Thân Đức H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã V, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

